

Số : 82/2023/CV - CNG

V/v: Giải trình số liệu chênh lệch LNST trên
BCTC riêng giữa niên độ đã được soát xét
năm 2023 so với cùng kỳ

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2023

Kính gửi:

**. ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
. SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Cotana; Mã chứng khoán: CSC xin trân trọng gửi lời chào đến Quý Ủy Ban và Quý Sở.

Thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của tổ chức niêm yết theo quy định của thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 và quy chế 325/QĐ-SGDHN Công ty chúng tôi xin gửi Quý cơ quan giải trình số liệu biến động lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét năm 2023 của Công ty mẹ so với cùng kỳ như sau:

Lợi nhuận sau thuế trên BCTC riêng giữa niên độ đã được soát xét năm 2022 là:
37.846.071.530 VNĐ

Lợi nhuận sau thuế trên BCTC riêng giữa niên độ đã được soát xét năm 2023 là:
60.341.939.396 VNĐ

Như vậy lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét năm 2023 của Công ty mẹ tăng: **22.495.867.866 VNĐ** so với cùng kỳ là do những biến động sau:

STT	Chỉ tiêu	Bán niên soát xét năm 2023	Bán niên soát xét năm 2022	Chênh Lệch
1	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	6,082,044,836	23,495,133,653	(17,413,088,817)
2	Doanh thu hoạt động tài chính	60,871,797,053	25,918,995,632	34,952,801,421
3	Chi phí tài chính	(562,700,286)	4,741,507,068	(5,304,207,354)
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	7,257,465,746	2,431,401,391	4,826,064,355
5	Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	4,394,433,873	(4,394,433,873)

Trên đây là những nguyên nhân chủ yếu làm tăng lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét năm 2023 so với cùng kỳ.

Chúng tôi cam kết thông tin công bố trên là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã công bố.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT (Báo cáo);
- Lưu VP Cty.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN COTANA



**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH**
Dinh Chi Minh Hằng

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN COTANA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023

HÀ NỘI, THÁNG 8 NĂM 2023



CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN COTANA

Địa chỉ: Lô CC5A Bán đảo Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	05 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	08 - 09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 44

0120
CÔ
ÁCH N
EM TO
VI
TU G

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty CP Tập đoàn Cotana (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Đào Ngọc Thanh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đỗ Lăng	Phó Chủ tịch (*)
Bà Đào Thu Thủy	Phó Chủ tịch
Ông Đoàn Văn Tuấn	Thành viên
Ông Bùi Tiến Hùng	Thành viên

(*) Theo Công văn số 59/2023/CV-CNG ngày 29/6/2023 của Công ty về việc Công bố thông tin bất thường, Ông Nguyễn Đỗ Lăng đã bị cơ quan điều tra ra Quyết định khởi tố bị can, lệnh tạm giam liên quan đến việc Thao túng thị trường chứng khoán xảy ra tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á – Thái Bình Dương, Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á – Thái Bình Dương và Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam.

Ban Tổng giám đốc

Ông Đoàn Văn Tuấn	Tổng Giám đốc
Bà Đinh Thị Minh Hằng	Phó Tổng giám đốc – Giám đốc tài chính
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Tổng giám đốc – Giám đốc nhân sự
Ông Châu Trần Minh Khôi	Phó Tổng giám đốc
Ông Trần Văn Chính	Phó Tổng giám đốc

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN COTANA



Đinh Thị Minh Hằng

Phó Tổng giám đốc

(Theo giấy ủy quyền số 01/2023/UQ-CNG ngày 04/01/2023)

Hà Nội, ngày 21 tháng 8 năm 2023

Số: 2808.02 -23/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty CP Tập đoàn Cotana**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty CP Tập đoàn Cotana (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 21 tháng 8 năm 2023, từ trang 05 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/6/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2023, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trần Quốc Tuấn
Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0148-2023-034-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Mẫu số B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023	01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		371.909.797.959	463.882.807.748
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		7.238.761.650	22.617.789.777
1. Tiền	111	V.1.	7.238.761.650	22.617.789.777
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2.	7.900.015.550	7.900.017.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		60.428	60.428
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(44.878)	(43.428)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		7.900.000.000	7.900.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		292.672.347.528	352.209.775.014
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.	229.960.295.916	292.308.206.673
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	9.492.714.744	8.823.247.147
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.	61.655.258.712	59.131.015.500
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(8.435.921.844)	(8.052.694.306)
IV. Hàng tồn kho	140		61.797.190.369	76.698.398.539
1. Hàng tồn kho	141	V.7.	61.797.190.369	76.698.398.539
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.301.482.862	4.456.827.418
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9.	6.311.247	15.778.125
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		496.899.491	3.223.214.280
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14.	1.798.272.124	1.217.835.013
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		272.955.229.284	212.855.820.731
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		204.000.000	1.390.990.438
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5.	204.000.000	1.390.990.438
II. Tài sản cố định	220		33.651.671.437	35.081.764.586
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10.	30.459.753.410	31.881.224.059
- Nguyên giá	222		68.772.844.803	68.716.481.167
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(38.313.091.393)	(36.835.257.108)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.11.	3.191.918.027	3.200.540.527
- Nguyên giá	228		3.297.468.989	3.297.468.989
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(105.550.962)	(96.928.462)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.251.966.951	1.017.693.771
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8.	1.251.966.951	1.017.693.771
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2.	237.260.964.367	174.620.955.009
1. Đầu tư vào công ty con	251		229.200.127.444	169.348.917.444
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		7.281.878.500	7.281.878.500
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		5.690.377.888	5.690.377.888
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(4.911.419.465)	(7.700.218.823)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		586.626.529	744.416.927
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9.	586.626.529	744.416.927
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		644.865.027.243	676.738.628.479

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 44 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023	01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		198.310.836.891	283.203.983.477
I. Nợ ngắn hạn	310		171.323.622.798	254.131.636.422
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12.	82.778.465.777	132.366.041.823
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13.	322.062.069	216.603.137
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14.	213.687.955	4.931.479.998
4. Phải trả người lao động	314		1.009.495.696	7.278.804.779
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15.	2.512.313.629	-
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.18.	713.960.957	756.473.657
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16.	39.672.255.674	39.779.990.879
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17.	25.634.578.214	56.343.575.207
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		18.466.802.827	12.458.666.942
II. Nợ dài hạn	330		26.987.214.093	29.072.347.055
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.18.	19.263.535.722	19.484.418.207
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.16.	5.729.413.359	7.666.403.797
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17.	1.994.265.012	1.921.525.051
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		446.554.190.352	393.534.645.002
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19.	446.554.190.352	393.534.645.002
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		311.747.190.000	255.537.400.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		311.747.190.000	255.537.400.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		509.724.891	509.724.891
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		24.994.890.445	17.672.496.399
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		109.302.385.016	119.815.023.712
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		48.960.445.620	46.591.083.255
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		60.341.939.396	73.223.940.457
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		644.865.027.243	676.738.628.479

Hà Nội, ngày 21 tháng 8 năm 2023

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN COTANA

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng giám đốc



Trần Thị Yến

Trần Trọng Đại

Đinh Thị Minh Hằng

(Theo giấy ủy quyền số 01/2023/UQ-CNG)

Mẫu số B 02a - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	52.189.908.195	199.908.282.462
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		52.189.908.195	199.908.282.462
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	46.107.863.359	176.413.148.809
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		6.082.044.836	23.495.133.653
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	60.871.797.053	25.918.995.632
7. Chi phí tài chính	22	VI.4.	(562.700.286)	4.741.507.068
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.226.097.622	2.570.622.377
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7.	7.257.465.746	2.431.401.391
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		60.259.076.429	42.241.220.826
11. Thu nhập khác	31	VI.5.	181.818.182	163.628
12. Chi phí khác	32	VI.6.	98.955.215	879.051
13. Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		82.862.967	(715.423)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		60.341.939.396	42.240.505.403
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9.	-	4.394.433.873
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		60.341.939.396	37.846.071.530

Hà Nội, ngày 21 tháng 8 năm 2023

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN COTANA

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng giám đốc



Trần Thị Yến

Trần Trọng Đại

Đinh Thị Minh Hằng

(Theo giấy ủy quyền số 01/2023/UQ-CNG)

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 44 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này)

Mẫu số B 03a - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		60.341.939.396	42.240.505.403
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.486.456.785	1.511.316.978
- Các khoản dự phòng	03		(2.405.570.370)	(7.954.513.866)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(60.871.797.053)	(23.028.045.632)
- Chi phí lãi vay	06		2.226.097.622	2.570.622.377
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		777.126.380	15.339.885.260
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		62.487.068.064	59.894.208.534
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		14.901.208.170	(29.434.558.427)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(55.166.295.642)	(37.547.959.704)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		167.257.276	(207.527.993)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.149.529.241)	(2.499.255.344)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5.102.558.217)	(1.533.379.980)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.314.258.161)	(287.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		14.600.018.629	3.724.412.346
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(290.636.816)	(38.828.654)
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(59.851.470.000)	(16.502.450.000)
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		260.000	2.549.452.260
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được	27		60.871.797.053	25.918.995.632
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		729.950.237	11.927.169.238
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		45.716.023.997	81.920.426.752
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(76.425.020.990)	(108.743.004.373)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(30.708.996.993)	(26.822.577.621)

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 44 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này)

Mẫu số B 03a - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023

(tiếp theo)

Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(15.379.028.127)	(11.170.996.037)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	22.617.789.777	47.364.651.921
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70 V.1.	7.238.761.650	36.193.655.884

Hà Nội, ngày 21 tháng 8 năm 2023

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN COTANA

Người lập biểu

Trần Thị Yên

Kế toán trưởng

Trần Trọng Đại

Phó Tổng giám đốc



Đinh Thị Minh Hằng

(Theo giấy ủy quyền số 01/2023/UQ-CNG)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Cotana (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH Xây dựng Thành Nam được thành lập ngày 01/6/1993 theo Quyết định số 2162/QĐ-UB của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội, sau đó được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thành Nam và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103003621 ngày 04/02/2004 (đăng ký lần đầu) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Ngày 31/8/2017, Công ty đổi tên thành Công ty CP Tập đoàn Cotana theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 02/2017/NQ-ĐHĐCĐ-CNG của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thành Nam. Công ty có 24 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101482984 thay đổi lần thứ 24 ngày 26/6/2023 về tăng vốn điều lệ và tổng số cổ phần lưu hành thì vốn điều lệ của Công ty là **311.747.190.000 đồng** (Ba trăm mười một tỷ, bảy trăm bốn mươi bảy triệu, một trăm chín mươi nghìn đồng), tổng số cổ phần lưu hành là 31.174.719 cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã cổ phiếu là CSC.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, kinh doanh bất động sản.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Hoàn thiện công trình xây dựng; Cho thuê xe có động cơ;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản: Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ quảng cáo bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản; Dịch vụ môi giới bất động sản; Dịch vụ đấu giá bất động sản; Dịch vụ định giá bất động sản; Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng;
- Đại lý mua, đại lý bán và ký gửi hàng hóa; Kinh doanh bất động sản;
- Xây lắp đường dây và trạm biến áp đến 35KV; Lắp đặt điện nước, điện lạnh, trang trí nội ngoại thất công trình;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình kỹ thuật cơ sở hạ tầng;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

Trụ sở Công ty tại: Lô CC5A Bán đảo Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Mẫu số B09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

5. Cấu trúc doanh nghiệp**a) Danh sách các công ty con kiểm soát trực tiếp:**

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty CP Xây dựng hạ tầng Cotana	Lô CC5A Bán đảo Linh Đàm, Hoàng Mai, Tp. Hà Nội	51%	51%
2.	Công ty CP Xây dựng Cotana	Lô CC5A Bán đảo Linh Đàm, Hoàng Mai, Tp. Hà Nội	51%	51%
3.	Công ty CP Tư vấn xây dựng Cotana	Lô CC5A Bán đảo Linh Đàm, Hoàng Mai, Tp. Hà Nội	51%	51%
4.	Công ty CP Tư vấn đầu tư và Thương mại Cotana	Lô CC5A Bán đảo Linh Đàm, Hoàng Mai, Tp. Hà Nội	52,53%	52,53%
5.	Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản COTANA CAPITAL (*)	CM3-03 Camellia, KĐT An Vân Dương, Phường Thủy Vân, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế	75,05%	66,68%

(*) Tỷ lệ lợi ích của Công ty trong Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Cotana Capital là 66,68%, trong đó: Tỷ lệ lợi ích trực tiếp của Công ty trong Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Cotana Capital là 59,85%, tỷ lệ lợi ích gián tiếp thông qua Công ty CP Tư vấn đầu tư và Thương mại Cotana là 1,5%, tỷ lệ lợi ích gián tiếp thông qua Công ty CP Tư vấn xây dựng Cotana là 2,42%, tỷ lệ lợi ích gián tiếp thông qua Công ty CP Xây dựng Cotana là 0,48% và tỷ lệ lợi ích gián tiếp thông qua Công ty CP Xây dựng hạ tầng Cotana là 2,42%.

(*) Quyền biểu quyết của Công ty trong Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Cotana Capital là 75,05%, trong đó: Quyền biểu quyết trực tiếp của Công ty trong Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Cotana Capital là 59,85%, quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty CP Tư vấn đầu tư và Thương mại Cotana là 2,85%, quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty CP Tư vấn xây dựng Cotana là 4,75%, quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty CP Xây dựng Cotana là 2,85% và quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty CP Xây dựng hạ tầng Cotana là 4,75%.

b) Danh sách các công ty liên kết:

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
1.	Công ty TNHH Kính Thành Nam	KCN Tiên Sơn, Thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất kính	25,88%	25,88%
2.	Công ty TNHH BMS Thành Nam	Cụm CN Ngọc Liệp, xã Ngọc Liệp, Quốc Oai, Tp. Hà Nội	Sản xuất cốt thép	25,09%	25,09%

Mẫu số B09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)*

3.	Công ty CP Kiến trúc cảnh quan Cotana Green	Lô CC5A Bán đảo Linh Đàm, Hoàng Mai, Tp. Hà Nội	Kiến trúc cảnh quan	20,68%	20,68%
4.	Công ty CP Dịch vụ đô thị Green Garden	Tầng 2 CM3-21 Camellia Khu đô thị An Vân Dương, Phường Thủy Vân, Thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.		30%	30%

c) Danh sách các đơn vị trực thuộc hạch toán độc lập:

Công ty có 01 chi nhánh là Chi nhánh Công ty CP Tập đoàn Cotana, địa chỉ tại số 2-4-6 đường số 7, khu dân cư Conic, đường Nguyễn Văn Linh, xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến 30/6/2023 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

7. Số lượng nhân viên

Tại ngày 30/6/2023 Công ty có 72 nhân viên đang làm việc (Tại ngày 31/12/2022 là 102 nhân viên).

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**1. Cơ sở, mục đích lập Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập là báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty chưa bao gồm số liệu của chi nhánh Công ty. Công ty lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp

Mẫu số B09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)*

ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Đồng thời, Công ty cũng lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (như chi tiết tại Thuyết minh số I.5) cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

2. Công cụ tài chính***Ghi nhận ban đầu***

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

3. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- + Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- + Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Mẫu số B09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)*

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết***Đầu tư vào công ty con***

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động và không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ khi các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết có cổ phiếu niêm yết trên thị trường hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc trích lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết.

Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Mẫu số B09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)***Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra do đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán vì bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày khóa sổ và lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Tại ngày 30/6/2023, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

Mẫu số B09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)***8. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ****8.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao <năm></i>
- Nhà cửa vật kiến trúc	15 – 49
- Máy móc thiết bị	05 – 10
- Phương tiện vận tải	06 – 07
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06
- Tài sản cố định khác	03

8.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán và quyền sử dụng đất không thời hạn.

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 năm.

Riêng quyền sử dụng đất không xác định thời gian sử dụng không được trích khấu hao theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là chi phí sửa chữa tòa nhà văn phòng được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và vật tư có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

Mẫu số B09a - DN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)***10. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước là các khoản chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 năm đến 03 năm.

11. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

12. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản trích trước khối lượng công trình hoàn thành, là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện của Công ty trong kỳ kế toán là khoản doanh thu nhận trước tiền của khách hàng đã ứng trước cho một hoặc nhiều kỳ về thuê văn phòng tại tòa nhà Cotana, Lô CC5A Bán đảo Linh Đàm, Hoàng Mai, Hà Nội.

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung.

Mẫu số B09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)*

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty, Thông báo ngày đăng ký cuối cùng và xác nhận danh sách người sở hữu chứng khoán để nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu xây dựng, cho thuê thiết bị, văn phòng, doanh thu cung cấp dịch vụ khác và doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, cổ tức.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- + Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- + Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- + Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- + Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào Chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Mẫu số B09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Doanh thu từ chuyển nhượng cổ phần được ghi nhận trên giá bán trừ đi giá gốc và các chi phí khác nếu có.

17. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính bao gồm chi phí lãi vay và lỗ chuyển nhượng đầu tư.

18. Các nghĩa vụ về thuế**Thuế giá trị gia tăng (GTGT)**

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ**1. Tiền**

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	100.482.935	219.861.521
Tiền gửi ngân hàng	7.138.278.715	22.397.928.256
Cộng	7.238.761.650	22.617.789.777

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN COTANA
Địa chỉ: Lô CC5A Bán đảo Linh Đàm, phường Hoàng Mai, quận Hoàng Mai, Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh

Đơn vị tính: VND

	30/6/2023			01/01/2023		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Tổng giá trị cổ phiếu	60.428	15.550	(44.878)	60.428	17.000	(43.428)
GTA: Công ty CP Chế biến gỗ Thuận An	60.428	15.550	(44.878)	60.428	17.000	(43.428)
Cộng	60.428	15.550	(44.878)	60.428	17.000	(43.428)

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/6/2023			01/01/2023		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi số	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi số
Đầu tư vào công ty con	229.200.127.444	(1.782.903.947)	227.417.223.497	169.348.917.444	(4.620.680.942)	164.728.236.502
Công ty CP Xây dựng hạ tầng Cotana	6.781.860.332	(237.336.713)	6.544.523.619	6.781.860.332	(2.534.880.590)	4.246.979.742
Công ty CP Xây dựng Cotana	5.100.000.000	(1.545.567.234)	3.554.432.766	5.100.000.000	(2.085.800.352)	3.014.199.648
Công ty CP Tư vấn xây dựng Cotana	4.335.000.000	-	4.335.000.000	4.335.000.000	-	4.335.000.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Cotana Capital (1)	209.479.250.000	-	209.479.250.000	149.628.040.000	-	149.628.040.000
Công ty CP Tư vấn đầu tư và Thương mại Cotana (2)	3.504.017.112	-	3.504.017.112	3.504.017.112	-	3.504.017.112
Đầu tư vào công ty liên kết	7.281.878.500	(2.867.805.016)	4.414.073.484	7.281.878.500	(2.818.827.379)	4.163.051.121
Công ty TNHH Kính Thành Nam	2.070.000.000	(737.955.874)	1.332.044.126	2.070.000.000	(737.955.874)	1.332.044.126
Công ty TNHH BMS Thành Nam	4.311.878.500	(2.129.849.142)	2.182.029.358	4.311.878.500	(2.080.871.505)	2.231.006.995
Công ty CP Kiến trúc và Cảnh quan Cotana Green	600.000.000	-	600.000.000	600.000.000	-	600.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ đô thị Green Garden	300.000.000	-	300.000.000	300.000.000	-	300.000.000



BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN COTANA
 Địa chỉ: Lô CC5A Bán đảo Linh Đàm, phường Hoàng Mai, quận Hoàng Mai, Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

Đầu tư vào đơn vị khác	5.690.377.888	(260.710.502)	5.429.667.386	5.690.377.888	(260.710.502)	5.429.667.386
Công ty CP Thương mại và Xây dựng Kinh Đô	59.360.200	-	59.360.200	59.360.200	-	59.360.200
Công ty CP Đầu tư xuất nhập khẩu Thành Nam	550.000.000	(46.950.711)	503.049.289	550.000.000	(46.950.711)	503.049.289
Công ty CP Đầu tư phát triển bất động sản Hudland	3.147.000.000	-	3.147.000.000	3.147.000.000	-	3.147.000.000
Công ty CP Đầu tư xây dựng ICC BIG	534.017.688	-	534.017.688	534.017.688	-	534.017.688
Công ty CP Hudland Thương mại và Dịch vụ	500.000.000	-	500.000.000	500.000.000	-	500.000.000
Công ty CP Capella Việt Nam	500.000.000	(213.759.791)	286.240.209	500.000.000	(213.759.791)	286.240.209
Công ty CP Kiến trúc và Nội thất Thành Nam	400.000.000	-	400.000.000	400.000.000	-	400.000.000
Cộng	242.172.383.832	(4.911.419.465)	237.260.964.367	182.321.173.832	(7.700.218.823)	174.320.955.009

Tại thời điểm 30/6/2023, Công ty chưa có cơ sở để xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư vào đơn vị khác để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023 do không có giá giao dịch trên thị trường hoặc không có đầy đủ thông tin cần thiết để đánh giá giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên kết

Các Công ty con, Công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với kỳ trước.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với Công ty con và công ty liên kết trong kỳ

- Công ty CP Xây dựng hạ tầng Cotana: Thi công công trình.
- Công ty CP Xây dựng Cotana: Thi công công trình.
- Công ty CP Tư vấn xây dựng Cotana: Thuê dịch vụ.
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Cotana Capital: Thi công công trình.
- Công ty CP Tư vấn đầu tư và Thương mại Cotana: Mua bán hàng hóa, dịch vụ lắp đặt.
- Công ty TNHH Kính Thành Nam: Không phát sinh giao dịch.
- Công ty TNHH BMS Thành Nam: Thuê dịch vụ.
- Công ty CP Kiến trúc và Cảnh quan Cotana Green: Thi công công trình.
- Công ty Cổ phần Dịch vụ đô thị Green Garden: Thuê tài sản.



Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

Thông tin bổ sung khác

(1) Trong kỳ, Công ty đã mua thêm 5.985.121 cổ phiếu của Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Cotana Capital với số tiền là 59.851.210.000 đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2023-NQ/ĐHĐCĐ-CNG ngày 19/4/2023. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 20.947.925 cổ phiếu, tương đương 59,85% vốn điều lệ của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bất động sản Cotana Capital (số đầu kỳ là 14.962.804 cổ phiếu, tương đương 59,85% vốn điều lệ).

(2) Trong kỳ, Công ty được trả cổ tức bằng 174.937 cổ phiếu của Công ty CP Tư vấn đầu tư và Thương mại Cotana. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 525.339 cổ phiếu, tương đương 52,53% vốn điều lệ của Công ty CP Tư vấn đầu tư và thương mại Cotana (số đầu kỳ là 350.401 cổ phiếu, tương đương 52,53% vốn điều lệ).

c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đơn vị tính: VND

	30/6/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	7.900.000.000	7.900.000.000	7.900.000.000	7.900.000.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Thăng Long (*)	7.900.000.000	7.900.000.000	7.900.000.000	7.900.000.000
Cộng	7.900.000.000	7.900.000.000	7.900.000.000	7.900.000.000

(*) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn ngày 29/12/2022 của ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Thăng Long, với số tiền 7.900.000.000 đồng, lãi suất 9%/năm, kỳ hạn 13 tháng, phương thức trả lãi cuối kỳ. Hợp đồng tự động quay vòng khi đến ngày đáo hạn.

3. Phải thu của khách hàng

Đơn vị tính: VND

	30/6/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Ivland	173.642.959.456	-	217.886.335.905	-
Công ty CP Đầu tư Sài Gòn - Hà Nội	3.496.271.446	-	3.496.271.446	-
Công ty CP Tập đoàn Ecopark	16.157.488.628	-	18.874.359.604	-
Công ty CP Tập đoàn Telin	-	-	152.494.036	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Cotana Capital	4.430.110.839	-	18.934.771.593	-
Công ty CP Môi trường năng lượng Thăng Long	3.521.304.084	-	5.846.526.084	-
Các đối tượng khác	28.712.161.463	(8.435.921.844)	27.117.448.005	(8.052.694.306)
Cộng	229.960.295.916	(8.435.921.844)	292.308.206.673	(8.052.694.306)

b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

4. Trả trước cho người bán

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư sinh thái Đại Dương	4.240.115.198	4.240.115.198
Công ty CP Kỹ thuật cơ điện Thanh Hưng	1.331.000.000	1.231.000.000
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Nam Phước	600.000.000	-
Công ty CP Xây dựng Cotana	403.336.725	403.336.725
Các đối tượng khác	2.918.262.821	2.948.795.224
Cộng	9.492.714.744	8.823.247.147

b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.

5. Phải thu khác

	Đơn vị tính: VND			
	30/6/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	61.655.258.712	-	59.131.015.500	-
Phải thu khác	51.474.974.480	-	46.368.246.854	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển BB (1)	18.929.875.000	-	18.929.875.000	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển DB (1)	12.858.125.000	-	12.858.125.000	-
Công ty CP Xây dựng Kiều Lê (2)	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
Chi nhánh Công ty CP Tập đoàn Cotana	5.928.485.042	-	5.928.485.042	-
Công ty CP Sản xuất - Xuất nhập khẩu BEMES (3)	7.311.635.721	-	2.285.143.152	-
Các đối tượng khác	1.446.853.717	-	1.366.618.660	-
Tạm ứng	10.148.319.207	-	11.938.439.089	-
Nguyễn Công Hiền	-	-	2.170.782.518	-
Xi nghiệp 10	4.916.952.586	-	4.916.952.586	-
Các đối tượng khác	5.231.366.621	-	4.850.703.985	-
Dư nợ TK 3381	4.129.557	-	4.129.557	-
Dư nợ TK 3383	27.835.468	-	-	-
Dư nợ TK 3388	-	-	820.200.000	-
Nguyễn Việt Anh	-	-	500.000.000	-
Đào Tuyết Trinh	-	-	250.000.000	-
Các đối tượng khác	-	-	70.200.000	-

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

b) Dài hạn	204.000.000	-	1.390.990.438	-
Phải thu khác	-	-	1.186.990.438	-
Công ty Kinh doanh Bất động sản Viglacera	-	-	1.186.990.438	-
Ký cược, ký quỹ	204.000.000	-	204.000.000	-
Cộng	61.859.258.712	-	60.522.005.938	-

(1) Khoản phải thu Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển BB và Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển DB về chuyển nhượng vốn góp tại Công ty Cổ phần Comaland Đầu tư và Phát triển bất động sản mà Công ty CP Tập đoàn Cotana đã được các cá nhân ủy thác đầu tư và chuyển nhượng vốn góp đầu tư tại Công ty CP Comaland Đầu tư và Phát triển bất động sản. Tại thời điểm 30/6/2023, Công ty chưa thu hồi được khoản chuyển nhượng vốn góp này để trả cho các nhà đầu tư cá nhân đã ủy thác.

(2) Đây là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Xây dựng Kiều Lê để thực hiện dự án khu nhà ở Kiều Lê theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 113/2018/HĐHT/Kieule - Cotana ngày 20/4/2018.

(3) Phải thu khác của Công ty CP Sản xuất - Xuất nhập khẩu BEMES là khoản tiền mà Công ty nộp thay tiền thuê đất cho Công ty CP Sản xuất - Xuất nhập khẩu BEMES theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh Số 10/HĐHTKD/Cotana-Bemes ngày 19/3/2013 do Công ty chưa làm thủ tục chuyển giao nghĩa vụ chủ đầu tư cùng với trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ tài chính về đất đai liên quan đến lô đất VP5 cho Công ty CP Sản xuất - Xuất nhập khẩu BEMES.

c) **Phải thu khác là các bên liên quan:** Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.

6. Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

	30/6/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Phải thu của khách hàng				
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng HUD1	527.666.305	-	527.666.305	-
Tổng Công ty Đầu tư phát triển nhà và Đô thị	1.476.628.066	-	1.476.628.066	-
Công ty TNHH NN MTV - Dịch vụ nhà ở và Khu đô thị	286.082.004	-	286.082.004	-
Cục thuế tỉnh Yên Bái	25.802.991	-	25.802.991	-
Công ty Phát triển số 1-TNHH MTV	1.574.946.164	-	1.574.946.164	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư & Phát triển DB	5.269.375.000	3.688.562.500	5.269.375.000	3.688.562.500

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

Công ty TNHH BOT Quốc lộ 6 - Hòa Lạc - Hòa Bình	4.182.045.803	2.091.022.901	4.182.045.803	2.091.022.901
Các đối tượng khác	928.683.859	55.722.947	495.052.374	5.319.000
Cộng	14.271.230.192	5.835.308.348	13.837.598.707	5.784.904.401

7. Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	30/6/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	51.731.580.714	-	66.632.788.884	-
Hàng hóa	10.065.609.655	-	10.065.609.655	-
Cộng	61.797.190.369	-	76.698.398.539	-

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của hạng mục thi công phần móng và thân khu nhà Dahlia Dự án Ecogarden Huế, thi công ép cọc khu nhà ở XH2, XH3, XH4 Dự án Ecogarden Huế... và các công trình do Công ty làm nhà thầu xây dựng.

8. Tài sản dở dang dài hạn

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn		
Chi phí sửa chữa tòa nhà văn phòng	1.251.966.951	1.017.693.771
Cộng	1.251.966.951	1.017.693.771

9. Chi phí trả trước

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn	6.311.247	15.778.125
Chi phí trả trước khác	6.311.247	15.778.125
b) Dài hạn	586.626.529	744.416.927
Công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	586.626.529	744.416.927
Cộng	592.937.776	760.195.052

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN COTANA

Địa chỉ: Lô CC5A Bán đảo Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng	Đơn vị tính: VND
<i>Nguyên giá</i>							
Số dư ngày 01/01/2023	41.691.975.460	12.905.405.790	11.520.304.131	1.309.795.786	1.289.000.000	68.716.481.167	
Mua trong kỳ	-	-	-	56.363.636	-	56.363.636	
Số dư ngày 30/6/2023	41.691.975.460	12.905.405.790	11.520.304.131	1.366.159.422	1.289.000.000	68.772.844.803	
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>							
Số dư ngày 01/01/2023	13.556.903.953	11.323.094.145	9.373.611.407	1.292.647.603	1.289.000.000	36.835.257.108	
Khấu hao trong kỳ	608.528.960	244.858.805	614.862.345	9.584.175	-	1.477.834.285	
Số dư ngày 30/6/2023	14.165.432.913	11.567.952.950	9.988.473.752	1.302.231.778	1.289.000.000	38.313.091.393	
<i>Giá trị còn lại</i>							
Tại ngày 01/01/2023	28.135.071.507	1.582.311.645	2.146.692.724	17.148.183	-	31.881.224.059	
Tại ngày 30/6/2023	27.526.542.547	1.337.452.840	1.531.830.379	63.927.644	-	30.459.753.410	

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 26.090.320.922 VND (Tại ngày 31/12/2022 là 27.225.874.727 VND).

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 18.544.341.162 VND (Tại ngày 31/12/2022 là 16.109.901.162 VND).

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

11. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình

	Đơn vị tính: VND		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm quản lý	Cộng
<i>Nguyên giá</i>			
Số dư ngày 01/01/2023	3.153.499.999	143.968.990	3.297.468.989
Số dư ngày 30/6/2023	3.153.499.999	143.968.990	3.297.468.989
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>			
Số dư ngày 01/01/2023	-	96.928.462	96.928.462
Khấu hao trong kỳ	-	8.622.500	8.622.500
Số dư ngày 30/6/2023	-	105.550.962	105.550.962
<i>Giá trị còn lại</i>			
Tại ngày 01/01/2023	3.153.499.999	47.040.528	3.200.540.527
Tại ngày 30/6/2023	3.153.499.999	38.418.028	3.191.918.027

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 3.153.499.999 VND (Tại ngày 31/12/2022 là 3.153.499.999 VND)

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 57.743.990 VND (Tại ngày 31/12/2022 là 57.743.990 VND)

12. Phải trả người bán

	Đơn vị tính: VND			
	30/6/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn				
Công ty CP kiến trúc cảnh quan COTANA GREEN	18.622.696.273	18.622.696.273	21.437.455.722	21.437.455.722
Công ty CP tư vấn đầu tư và thương mại COTANA	4.482.605.353	4.482.605.353	13.932.137.134	13.932.137.134
Công ty CP Nhóm Đô Thành	5.990.222.004	5.990.222.004	9.490.222.004	9.490.222.004
Công ty CP tư vấn đầu tư xây lắp Việt Nam	5.230.975.884	5.230.975.884	8.330.975.884	8.330.975.884
Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng Đồng Tiến	5.339.034.273	5.339.034.273	7.839.034.273	7.839.034.273
Công ty CP HQ WIN	4.075.238.484	4.075.238.484	6.911.394.512	6.911.394.512
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hoàng Huy Khánh	422.957.070	422.957.070	6.128.220.870	6.128.220.870

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

Công ty CP Xây dựng Hạ tầng COTANA	3.313.826.393	3.313.826.393	5.718.509.394	5.718.509.394
Công ty CP Sản xuất & Xây dựng Tổng hợp Thăng Long	57.524.000	57.524.000	4.185.164.000	4.185.164.000
Công ty Kính Thành Nam	3.573.176.543	3.573.176.543	3.573.176.543	3.573.176.543
Công ty TNHH Một thành viên vật liệu xây dựng Nam Phước	2.215.189.506	2.215.189.506	3.135.999.506	3.135.999.506
Công ty TNHH Xây dựng Việt An Phát	2.199.947.340	2.199.947.340	2.698.923.120	2.698.923.120
Công ty CP Bê tông và Xây dựng Thừa Thiên Huế	1.304.989.097	1.304.989.097	2.522.089.097	2.522.089.097
Các đối tượng khác	25.950.083.557	25.950.083.557	36.462.739.764	36.462.739.764
Cộng	82.778.465.777	82.778.465.777	132.366.041.823	132.366.041.823

b) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.

13. Người mua trả tiền trước

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn		
Công ty TNHH Eiko Techno	43.100.000	17.847.091
Công ty CP Envi Việt Nam	60.942.551	-
Các đối tượng khác	218.019.518	198.756.046
Cộng	322.062.069	216.603.137

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2023	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/6/2023
a) Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.635.128.394	-	4.635.128.394	-
Thuế thu nhập cá nhân	296.351.604	123.501.504	206.165.153	213.687.955
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	4.931.479.998	126.501.504	4.844.293.547	213.687.955
b) Phải thu				
Thuế GTGT đầu ra	1.165.896.503	-	-	1.165.896.503
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	467.429.823	467.429.823
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	51.938.510	16.571.752	129.579.040	164.945.798
Cộng	1.217.835.013	16.571.752	597.008.863	1.798.272.124

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

15. Chi phí phải trả

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn		
Trích trước khối lượng công trình hoàn thành	2.512.313.629	-
Cộng	2.512.313.629	-

16. Phải trả khác

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn	39.672.255.674	39.779.990.879
Kinh phí công đoàn	86.607.120	62.523.120
Dư có TK 138	203.565.292	150.102.076
Dư có TK 141	1.722.265.301	4.066.802.252
Nguyễn Văn Dân	479.917.104	479.917.104
Xí nghiệp Mộc và Nội thất Thành Nam	1.138.009.150	3.473.282.674
Các đối tượng khác	104.339.047	113.602.474
Phải trả khác	37.659.817.961	35.500.563.431
Phạm Mạnh Long (1)	25.804.500.000	25.804.500.000
Lê Thị Vân Anh (1)	5.983.500.000	5.983.500.000
Các đối tượng khác	5.871.817.961	3.712.563.431
b) Dài hạn	5.729.413.359	7.666.403.797
Đào Ngọc Thanh (2)	5.476.462.654	6.131.741.484
Đặng Thu Vịnh	-	94.721.170
Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Thành Nam	204.000.000	204.000.000
Khách hàng của Sàn bất động sản Thành Nam	48.950.705	1.235.941.143
Cộng	45.401.669.033	47.446.394.676

(1) Là khoản phải trả các cá nhân tiền chuyển nhượng cổ phần tại Công ty CP Comaland Đầu tư và Phát triển bất động sản mà các cá nhân đã ủy thác cho Công ty CP Tập đoàn Cotana góp vốn và chuyển nhượng vốn tại Công ty CP Comaland Đầu tư và Phát triển bất động sản.

(2) Khoản phải trả Ông Đào Ngọc Thanh phản ánh số tiền mà ông Đào Ngọc Thanh đã ủy thác để Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thành Nam (đã đổi tên thành Công ty CP Tập đoàn Cotana) đầu tư vào cổ phiếu của Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Hudland và các khoản đầu tư vào các dự án của Công ty.

c) Phải trả khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN COTANA

Địa chỉ: Lô CC5A Bán đảo Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

17. Vay

	Trong kỳ				Đơn vị tính: VND	
	30/6/2023		01/01/2023			
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	25.634.578.214	25.634.578.214	45.716.023.997	76.425.020.990	56.343.575.207	56.343.575.207
Vay ngắn hạn ngân hàng	16.863.488.214	16.863.488.214	37.126.683.997	76.206.920.990	55.943.725.207	55.943.725.207
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội (1)	16.863.488.214	16.863.488.214	37.126.683.997	76.206.920.990	55.943.725.207	55.943.725.207
Vay ngắn hạn cá nhân (3)	8.589.340.000	8.589.340.000	8.589.340.000	-	-	-
Trần Trọng Đại	8.589.340.000	8.589.340.000	8.589.340.000	-	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	181.750.000	181.750.000	-	218.100.000	399.850.000	399.850.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Thăng Long - PGD Linh Đàm (2)	181.750.000	181.750.000	-	218.100.000	399.850.000	399.850.000
b) Vay dài hạn	1.994.265.012	1.994.265.012	76.568.381	3.828.420	1.921.525.051	1.921.525.051
Vay dài hạn cá nhân (3)	1.994.265.012	1.994.265.012	76.568.381	3.828.420	1.921.525.051	1.921.525.051
Đặng Thị Lê Anh	941.802.388	941.802.388	36.332.296	1.816.615	907.286.707	907.286.707
Lương Ngọc Huyền	1.052.462.624	1.052.462.624	40.236.085	2.011.805	1.014.238.344	1.014.238.344
Tổng cộng	27.628.843.226	27.628.843.226	45.792.592.378	76.428.849.410	58.265.100.258	58.265.100.258

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN COTANA

Địa chỉ: Lô CC5A Bán đảo Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

- (1) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/1654947/HSTD ngày 09/11/2022 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Cotana và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Hà Nội có hạn mức tín dụng 190.000.000.000 đồng (Một trăm chín mươi tỷ đồng). Lãi suất và thời hạn được quy định theo từng lần khế ước. Tài sản bảo đảm của khoản vay là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại Lô CC5A Bán đảo Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội và xe ô tô con Mercedes E200 biển số 30F-946.52. Mục đích của khoản vay là phục vụ hoạt động thi công xây lắp của Công ty.
- (2) Khoản vay theo hợp đồng cho vay số 954/2018/HSTD/LDM/01 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Cotana và Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Thăng Long. Khoản vay với số tiền 2.181.000.000 đồng, lãi suất 8,9%/năm, mục đích mua xe ô tô Kia Sedona; xe ô tô Samco Felix và được đảm bảo bằng chính xe ô tô đó. Thời hạn vay 60 tháng.

(3) Các khoản vay của các cá nhân có kỳ hạn và lãi suất được quy định cụ thể trên từng hợp đồng. Mục đích của các khoản vay là để bổ sung vốn lưu động và không có tài sản đảm bảo.

c) **Vay là các bên liên quan:** Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

18. Doanh thu chưa thực hiện

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn	713.960.957	756.473.657
Tiền thuê văn phòng nhận trước	713.960.957	756.473.657
b) Dài hạn	19.263.535.722	19.484.418.207
Tiền thuê văn phòng nhận trước	19.263.535.722	19.484.418.207
Đỗ Văn Bình	2.879.518.239	2.921.250.388
Công ty CP Tư vấn xây dựng Cotana	1.720.541.379	1.746.219.383
Công ty CP Xây dựng Cotana	1.098.468.901	1.114.863.953
Công ty CP Đầu tư xuất nhập khẩu Thành Nam	3.500.412.637	3.551.634.637
Công ty CP Đầu tư Landcom	1.123.247.404	1.139.526.352
Công ty TNHH Công nghệ hóa chất và Môi trường Vũ Hoàng	4.697.629.992	4.717.787.996
Công ty CP Đầu tư xây dựng ICC BIG	2.338.350.425	2.359.693.955
Các đối tượng khác	1.905.366.745	1.933.441.543
Cộng	19.977.496.679	20.240.891.864

19. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND	
				Cộng	
Số dư tại ngày 01/01/2022	228.161.440.000	509.724.891	83.988.743.941	312.659.908.832	
Tăng vốn trong năm trước	27.375.960.000	-	-	27.375.960.000	
Lãi trong năm trước	-	-	73.223.940.457	73.223.940.457	
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	(27.375.960.000)	(27.375.960.000)	
Phân phối các quỹ	-	-	(10.021.700.686)	(10.021.700.686)	
Số dư tại ngày 31/12/2022	255.537.400.000	509.724.891	119.815.023.712	375.862.148.603	
Tăng vốn trong kỳ (*)	56.209.790.000	-	-	56.209.790.000	
Lãi trong kỳ này	-	-	60.341.939.396	60.341.939.396	
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (*)	-	-	(56.209.790.000)	(56.209.790.000)	
Phân phối các quỹ (**)	-	-	(14.644.788.092)	(14.644.788.092)	
Số dư tại ngày 30/6/2023	311.747.190.000	509.724.891	109.302.385.016	421.559.299.907	

(*) Trong kỳ hoạt động Công ty đã chia cổ tức cho các cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2023-NQ/ĐHĐCĐ-CNG ngày 19/4/2023 với tỷ lệ quyền 100:22 (Người sở hữu 100 cổ phiếu được nhận 22 cổ phiếu mới). Trên cơ sở đó, Công ty đã ghi nhận tăng vốn góp của chủ sở hữu và giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối với giá trị 56.209.790.000 đồng. Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 73/2009/GCNCP-VSD-9 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp ngày 30/6/2023 và Quyết định số 668/QĐ-SGDHN ngày 07/7/2023 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc chấp thuận niêm yết bổ sung cổ phiếu của Công ty.

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

(**) Phân phối các quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2023-NQ/ĐHĐCĐ-CNG ngày 19/4/2023.

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
Huỳnh Thị Mai Dung	51.656.690.000	42.341.550.000
Đào Ngọc Thanh	91.688.010.000	75.154.110.000
Đào Thu Thủy	16.279.540.000	13.343.890.000
Các cổ đông khác	152.122.950.000	124.697.850.000
Cộng	311.747.190.000	255.537.400.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022
	VND	VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	255.537.400.000	228.161.440.000
Vốn góp tăng trong kỳ	56.209.790.000	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	311.747.190.000	228.161.440.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	56.209.790.000	-

d) Cổ phiếu

	30/6/2023	01/01/2023
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	31.174.719	25.553.740
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	31.174.719	25.553.740
- Cổ phiếu phổ thông	31.174.719	25.553.740
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	31.174.719	25.553.740
- Cổ phiếu phổ thông	31.174.719	25.553.740
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/Cổ phiếu		

e) Các quỹ của công ty

Khoản mục	01/01/2023	Số tăng trong kỳ	Số giảm trong kỳ	Đơn vị tính: VND
				30/6/2023
Quỹ đầu tư phát triển	17.672.496.399	7.322.394.046	-	24.994.890.445
Cộng	17.672.496.399	7.322.394.046	-	24.994.890.445

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

*** Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp**

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được sử dụng để mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

20. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ

	30/6/2023	01/01/2023
USD	579,95	586,55

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022 VND
a) Doanh thu		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.592.302.196	2.985.957.100
Doanh thu hợp đồng xây dựng	48.597.605.999	196.922.325.362
Cộng	52.189.908.195	199.908.282.462

b) Doanh thu với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.**2. Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.373.014.178	2.438.720.014
Giá vốn hợp đồng xây dựng	43.734.849.181	173.974.428.795
Cộng	46.107.863.359	176.413.148.809

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022 VND
Lãi tiền gửi	13.180.053	39.128.094
Cổ tức, lợi nhuận được chia	60.858.617.000	25.879.867.538
Cộng	60.871.797.053	25.918.995.632

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022 VND
Chi phí lãi vay	2.226.097.622	2.570.622.377
Trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư	52.000.617	96.763.313
Lỗ chuyển nhượng khoản đầu tư vào Công ty CP Đầu tư phát triển công nghệ Thành Nam	-	2.890.950.000
Hoàn nhập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính	(2.840.798.525)	(816.828.622)
Cộng	(562.700.286)	4.741.507.068

5. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022 VND
Xử lý công nợ	-	163.628
Thanh lý công cụ dụng cụ	181.818.182	-
Cộng	181.818.182	163.628

6. Chi phí khác

	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022 VND
Chi phí nộp phạt thuế	91.846.048	-
Chi phí khác	7.109.167	879.051
Cộng	98.955.215	879.051

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	7.257.465.746	13.810.169.199
Chi phí nhân viên quản lý	2.937.106.837	5.795.047.946
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	1.408.875.531	-
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	367.676.894	144.089.574
Chi phí khấu hao TSCĐ	928.630.742	944.625.486
Thuế, phí, lệ phí	101.874.621	3.000.000
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	383.227.538	4.144.319.251
Chi phí dịch vụ mua ngoài	265.610.045	306.738.043
Chi phí bằng tiền khác	864.463.538	2.472.348.899

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp	-	(11.378.767.808)
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(11.378.767.808)
Cộng	7.257.465.746	2.431.401.391

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	18.662.419.699	174.869.368.279
Chi phí nhân công	12.016.540.000	45.484.564.862
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.486.456.785	1.511.316.978
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.712.669.698	3.056.435.260
Chi phí khác bằng tiền	1.522.942.257	3.135.557.835
Cộng	36.401.028.439	228.057.243.214

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022
	VND	VND
Hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường		
Lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	60.341.939.396	42.240.505.403
Các khoản thu nhập được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp	60.858.617.000	25.879.867.538
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	365.194.952	1.195.498.142
Các khoản điều chỉnh khác (nếu có)	(2.297.982.469)	4.416.033.357
Lỗ được chuyển và bù trừ lỗ các hoạt động	-	-
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	(2.449.465.121)	21.972.169.364
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường kỳ này	-	4.394.433.873
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	4.394.433.873

10. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu không trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này mà được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023 của Công ty CP Tập đoàn Cotana theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)***VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ**

	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022 VND
1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ		
Tăng vốn góp của chủ sở hữu theo phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	56.209.790.000	-
Chi phí lãi vay nhập gốc	76.568.381	67.798.681
Thuế TNCN khấu trừ chi phí lãi vay	3.828.420	3.568.352
2. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	45.716.023.997	81.920.426.752
3. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	76.425.020.990	108.743.004.373

VIII. Những thông tin khác**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: Các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

a) Danh sách các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Chi nhánh Công ty CP Tập đoàn Cotana	Chi nhánh Công ty
Công ty CP Xây dựng hạ tầng Cotana	Công ty con
Công ty CP Xây dựng Cotana	Công ty con
Công ty CP Tư vấn xây dựng Cotana	Công ty con
Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Cotana Capital	Công ty con
Công ty CP Tư vấn đầu tư và Thương mại Cotana	Công ty con
Công ty TNHH Kính Thành Nam	Công ty liên kết
Công ty TNHH BMS Thành Nam	Công ty liên kết
Công ty CP Kiến trúc cảnh quan Cotana Green	Công ty liên kết
Công ty CP Dịch vụ đô thị Green Garden	Công ty liên kết
Ông Đào Ngọc Thanh	Chủ tịch HĐQT

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

Ông Đoàn Văn Tuấn	Tổng Giám đốc
Bà Đinh Thị Minh Hằng	Phó Tổng giám đốc - Giám đốc tài chính
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Tổng giám đốc - Giám đốc nhân sự
Ông Trần Trọng Đại	Kế toán trưởng
Bà Đặng Thu Vịnh	Người có liên quan với ông Đào Ngọc Thanh

b) Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022
	VND	VND
Doanh thu	2.608.149.189	17.958.196.817
Công ty CP Xây dựng Cotana	1.187.526.298	87.321.667
Công ty CP Xây dựng hạ tầng Cotana	100.568.005	77.990.601
Công ty CP Tư vấn xây dựng Cotana	290.909.405	212.669.378
Công ty CP Tư vấn đầu tư và Thương mại Cotana	117.112.034	44.585.389
Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Cotana Capital	322.727.273	17.407.091.035
Công ty TNHH BMS Thành Nam	94.840.599	42.400.456
Công ty CP Kiến trúc cảnh quan Cotana Green	116.829.211	86.138.291
Công ty CP Dịch vụ đô thị Green Garden	377.636.364	-
Mua hàng	5.844.570.679	67.467.515.558
Công ty CP Xây dựng hạ tầng Cotana	541.197.272	22.196.741.801
Công ty CP Tư vấn đầu tư và Thương mại Cotana	4.275.376.978	31.771.445.152
Công ty CP Xây dựng Cotana	-	3.229.170.367
Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Cotana Capital	348.270.601	500.405.511
Công ty CP Kiến trúc cảnh quan Cotana Green	295.673.228	9.769.752.727
Công ty CP Dịch vụ đô thị Green Garden	384.052.600	-
Góp vốn	59.851.210.000	16.502.450.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Cotana Capital	59.851.210.000	16.202.450.000
Công ty CP Dịch vụ đô thị Green Garden	-	300.000.000
Vay trong kỳ	8.589.340.000	-
Ông Trần Trọng Đại	8.589.340.000	-
Trả gốc vay	-	7.255.237.703
Bà Đinh Thị Minh Hằng	-	4.052.603.114
Ông Đào Ngọc Thanh	-	3.202.634.589
Cổ tức và lợi nhuận được chia	60.844.217.000	25.879.866.688
Công ty CP Tư vấn đầu tư và Thương mại Cotana	350.401.000	420.481.200

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

	642.600.000	642.600.000
Công ty CP Tư vấn xây dựng Cotana	642.600.000	642.600.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Cotana Capital	59.851.216.000	24.816.785.488
c) Số dư với các bên liên quan	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
Phải thu của khách hàng	10.485.925.273	23.682.999.868
Công ty CP Tư vấn xây dựng Cotana	374.147.144	82.392.598
Ông Đào Ngọc Thanh	2.500.000.000	2.500.000.000
Công ty CP Tư vấn đầu tư và Thương mại Cotana	88.000.000	4.252.249
Công ty CP Xây dựng Cotana	748.895.076	160.846.499
Chi nhánh Công ty CP Tập đoàn Cotana	206.638.619	206.638.619
Công ty CP Kiến trúc cảnh quan Cotana Green	1.880.120.238	1.783.508.107
Công ty CP Xây dựng hạ tầng Cotana	42.613.357	10.590.203
Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Cotana Capital	4.430.110.839	18.934.771.593
Công ty CP Dịch vụ đô thị Green Garden	215.400.000	-
Trả trước cho người bán	403.336.725	403.336.725
Công ty CP Xây dựng Cotana	403.336.725	403.336.725
Người mua trả tiền trước	3.692.220	3.692.220
Công ty TNHH BMS Thành Nam	3.692.220	3.692.220
Phải thu khác	6.203.885.042	6.211.150.813
Chi nhánh Công ty CP Tập đoàn Cotana	5.928.485.042	5.928.485.042
Công ty TNHH BMS Thành Nam	7.300.000	7.300.000
Ông Đoàn Văn Tuấn	268.100.000	268.100.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Cotana Capital	-	7.265.771
Tạm ứng	2.423.111.865	2.485.419.847
Ông Trần Trọng Đại	35.247.767	157.555.749
Bà Đinh Thị Minh Hằng	1.746.764.098	1.686.764.098
Ông Đoàn Văn Tuấn	121.100.000	121.100.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	520.000.000	520.000.000
Phải trả người bán	31.121.304.029	45.391.584.435
Công ty TNHH Kính Thành Nam	3.573.176.543	3.573.176.543
Công ty CP Xây dựng hạ tầng Cotana	3.313.826.393	5.718.509.394
Công ty CP Tư vấn đầu tư và Thương mại Cotana	4.482.605.353	13.932.137.134
Công ty CP Kiến trúc cảnh quan Cotana Green	18.622.696.273	21.437.455.722
Công ty TNHH BMS Thành Nam	288.445.803	288.445.803
Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Cotana Capital	622.088.792	238.991.132
Công ty CP Dịch vụ đô thị Green Garden	218.464.872	202.868.707

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

Doanh thu chưa thực hiện	4.053.132.359	4.111.104.089
Công ty CP Tư vấn xây dựng Cotana	1.771.897.387	1.797.575.387
Công ty CP Kiến trúc cảnh quan Cotana Green	52.964.400	52.964.400
Công ty Cổ phần Xây dựng Cotana	1.131.259.005	1.147.654.061
Công ty CP Xây dựng Hạ tầng Cotana	701.362.604	711.527.278
Công ty CP Tư vấn đầu tư và Thương mại Cotana	395.648.963	401.382.963
Phải trả khác	5.476.473.561	6.226.473.561
Ông Đào Ngọc Thanh	5.476.462.654	6.131.741.484
Bà Đặng Thu Vịnh	-	94.721.170
Ông Đoàn Văn Tuấn	10.907	10.907
Các khoản vay	8.589.340.000	-
Ông Trần Trọng Đại	8.589.340.000	-

d) Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên chủ chốt được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022 VND
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt	956.438.302	1.318.259.480
Cộng (*)	956.438.302	1.318.259.480

(*) Chi tiết thu nhập của từng thành viên trong 6 tháng đầu năm 2023 cụ thể như sau:

	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022 VND
Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị	99.307.692	74.000.000
Nguyễn Đỗ Lăng Phó Chủ tịch	57.307.692	60.000.000
Bùi Tiến Hùng Thành viên	42.000.000	14.000.000
Thu nhập của Ban Tổng giám đốc	702.955.226	1.044.397.942
Đoàn Văn Tuấn Tổng Giám đốc	180.069.516	112.500.000
Đinh Thị Minh Hằng Phó Tổng giám đốc - Giám đốc tài chính	64.530.484	266.233.846
Nguyễn Thị Thu Hương Phó Tổng giám đốc - Giám đốc nhân sự	71.785.754	274.403.362
Trần Quang Quyền Phó Tổng giám đốc (Miễn nhiệm ngày 08/02/2022)	-	76.303.077
Châu Trần Minh Khôi Phó Tổng giám đốc	201.134.771	314.957.657
Trần Văn Chính Phó Tổng giám đốc	185.434.700	-

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

Thu nhập của Ban kiểm soát		50.946.154	18.000.000
Nguyễn Hải Yến	Trưởng ban kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 24/4/2023)	41.946.154	-
Hán Công Khanh	Trưởng ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 19/4/2023)	9.000.000	18.000.000
Thu nhập của Kế toán trưởng		103.229.230	181.861.538
Trần Trọng Đại	Kế toán trưởng	103.229.230	181.861.538
Cộng		956.438.302	1.318.259.480

3. Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.17. trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

Công nợ tài chính

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
Các khoản vay	27.628.843.226	58.265.100.258
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	7.238.761.650	22.617.789.777
Nợ thuần	20.390.081.576	35.647.310.481
Vốn chủ sở hữu	446.554.190.352	393.534.645.002
Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu	5%	9%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.2

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.238.761.650	22.617.789.777
Phải thu khách hàng và phải thu khác	283.383.632.784	344.777.518.305
Các khoản đầu tư tài chính	13.329.682.936	13.329.684.386
Cộng	303.952.077.370	380.724.992.468

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)***Công nợ tài chính**

Các khoản vay	27.628.843.226	58.265.100.258
Phải trả người bán và phải trả khác	128.180.134.810	179.812.436.499
Chi phí phải trả	2.512.313.629	-
Cộng	158.321.291.665	238.077.536.757

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Công ty không thực hiện các biện pháp Phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện Phòng ngừa rủi ro tỷ giá hay rủi ro lãi suất có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)***Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

30/6/2023	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	122.450.721.451	5.729.413.359	128.180.134.810
Chi phí phải trả	2.512.313.629	-	2.512.313.629
Các khoản vay	25.634.578.214	1.994.265.012	27.628.843.226
01/01/2023	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	172.146.032.702	7.666.403.797	179.812.436.499
Các khoản vay	56.343.575.207	1.921.525.051	58.265.100.258

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Ban Tổng giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/6/2023	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.238.761.650	-	7.238.761.650
Các khoản đầu tư tài chính	7.900.015.550	5.429.667.386	13.329.682.936
Phải thu khách hàng và phải thu khác	283.179.632.784	204.000.000	283.383.632.784
01/01/2023	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.617.789.777	-	22.617.789.777
Các khoản đầu tư tài chính	7.900.017.000	5.429.667.386	13.329.684.386
Phải thu khách hàng và phải thu khác	343.386.527.867	1.390.990.438	344.777.518.305

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

4. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/6/2022 và Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 21 tháng 8 năm 2023

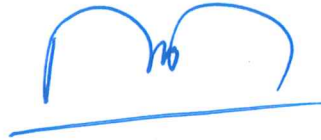
CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN COTANA

Người lập biểu



Trần Thị Yên

Kế toán trưởng



Trần Trọng Đại

Phó Tổng giám đốc



Đinh Thị Minh Hằng

(Theo giấy ủy quyền số 01/2023/UQ-CNG)

